

Số: /HD-SKHCN

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

HƯỚNG DẪN

Hoạt động sáng kiến; Đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; Đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Sáng kiến; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 150/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định một số nội dung công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Ủy quyền thành lập Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp tỉnh; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình hướng dẫn một số nội dung về Hoạt động sáng kiến; Đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; Đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh, như sau:

A. CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

I. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến.

II. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến Ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

1. Pháp nhân, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, luật khác có liên quan;

b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư...).

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tập đoàn, tổng công ty của Nhà nước...) và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ: quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở cơ sở).

III. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả/đồng tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến/đồng tác giả sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả/đồng tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra

sáng kiến.

2. Các cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu xét công nhận sáng kiến ở cơ sở do cơ sở quyết định.

IV. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3, Điều 5, Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ và khoản 1, Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

V. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ và đánh giá đối tượng nêu trong đơn đề nghị công nhận sáng kiến

1. Cơ sở khi nhận được đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận đơn và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo cho tác giả/đồng tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để điều chỉnh, bổ sung;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận hoặc từ chối đơn.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ theo quy định.

4. Việc cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả biết.

5. Cơ sở tiếp nhận đơn đề nghị công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh

giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

VI. Hội đồng sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8, Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ và khoản 1, Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

2. Thường trực Hội đồng sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng sáng kiến là tiếp nhận, xử lý các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để tham mưu cho Hội đồng sáng kiến và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức đánh giá khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả/đồng tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Xem xét đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến theo quy định tại Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Tham mưu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến ở cơ sở;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng Sáng kiến.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng Sáng kiến

a) Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là họp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Giải pháp khi đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng đồng ý bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu đồng ý thông qua;

d) Bản sao nội dung các sáng kiến và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời gian họp Hội đồng.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Thư ký Hội đồng báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; báo cáo tóm tắt nội dung các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến và ý kiến đánh giá của các thành viên Hội đồng;

b) Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện nội dung của sáng kiến theo tiêu chí: Tính mới; khả năng nhân rộng và hiệu quả mang lại hoặc hiệu quả dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;

d) Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;

e) Hội đồng tiến hành biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận;

g) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

6. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Gửi hồ sơ sáng kiến cho các thành viên Hội đồng để các thành viên Hội đồng biết và chuẩn bị tài liệu họp xét.

7. Hội đồng sáng kiến cơ sở được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

VII. Thời hạn, trình tự xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận họp lệ. Trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp

nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ.

3. Trình tự xét công nhận sáng kiến

a) Thường trực Hội đồng sáng kiến thực hiện tổng hợp, phân loại, rà soát, kiểm tra sơ bộ sáng kiến;

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và các tài liệu liên quan kèm theo gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu trước khi họp Hội đồng;

c) Thường trực Hội đồng sáng kiến tổng hợp ý kiến đánh giá sáng kiến và báo cáo Hội đồng sáng kiến tổ chức họp xét công nhận.

VIII. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Kết quả xét công nhận sáng kiến được công bố công khai tại cơ quan, đơn vị sau thời hạn 05 ngày làm việc. Nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến thì cơ sở xét công nhận sáng kiến ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến (Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Trường hợp có khiếu nại về kết quả xét sáng kiến, Hội đồng sáng kiến xem xét, đánh giá lại sáng kiến. Nếu sáng kiến đạt, người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến. Nếu không đạt thì thông báo và nêu rõ lý do cho tác giả sáng kiến.

2. Sáng kiến được đánh giá đạt điều kiện công nhận được cấp Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến cho từng tác giả và đồng tác giả.

3. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Đối với những sáng kiến không đạt, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tác giả, đồng tác giả được biết và phải nêu rõ lý do.

IX. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

1. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định tổ chức họp Hội đồng sáng kiến để xem xét quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp có tranh chấp giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến; cần có ý kiến chuyên gia, chuyên ngành để khẳng định sáng kiến không đáp ứng điều kiện về tính mới và điều kiện về khả năng mang lại lợi ích thiết thực, có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

3. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến cơ sở phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả, đồng tác giả dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý và phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng.

4. Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi và hủy bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận sáng kiến đã cấp cho tác giả, đồng tác giả; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả được hưởng từ sáng kiến đó.

B. CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG TẠI CƠ SỞ CỦA SÁNG KIẾN; CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG TẠI CƠ SỞ CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỂ LÀM CĂN CỨ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

I. Công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến

1. Việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến. Việc công nhận được thể hiện bằng quyết định hoặc văn bản xác nhận. Quyết định công nhận (*Tham khảo Phụ lục số 01 gửi kèm*). Văn bản xác nhận (*Theo Mẫu số 13 của Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ*).

2. Hồ sơ đánh giá gồm:

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ); hoặc Bản mô tả sáng kiến (*Phụ lục số 04 gửi kèm*).

b) Các tài liệu minh chứng sáng kiến đã được áp dụng, nhân rộng và mang lại hiệu quả trong phạm vi cơ sở trở lên.

3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến:

Mức “Đạt” hoặc không “Đạt”. Dựa trên kết quả đánh giá về: Tính mới (có tính mới trong phạm vi cơ sở đó); có khả năng mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế, xã hội... (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật; nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người; nâng cao cách thức tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát công việc...). *Phiếu đánh giá sáng kiến tham khảo Phụ lục số 02 gửi kèm*.

4. Thời gian đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến do cơ sở quyết định.

II. Công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ tại cơ sở do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Hồ sơ đánh giá gồm:

a) Bản sao báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ;

b) Bản sao quyết định và biên bản nghiệm thu đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ;

c) Các tài liệu minh chứng đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được áp dụng và mang lại hiệu quả trong phạm vi cơ sở trở lên.

3. Tiêu chí đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ:

a) Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên;

b) Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (Tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tạo ra sản phẩm mới có giá trị cao, cải thiện chất lượng cuộc sống, giải quyết các vấn đề xã hội, tạo ra các công nghệ mới, phương pháp mới, hoặc có đóng góp vào tri thức khoa học; lan tỏa ra nhiều tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, hoặc cả nước). *Phiếu đánh giá*

đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ tham khảo theo Phụ lục số 02 gửi kèm.

4. Thời gian đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do cơ sở quyết định.

C. CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG TRONG TỈNH VÀ TOÀN QUỐC CỦA SÁNG KIẾN; CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG TRONG TỈNH VÀ TOÀN QUỐC CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỂ LÀM CĂN CỨ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

I. Thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

2. Việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

3. Việc xét, nghiệm thu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

4. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu.

Đối tượng được công nhận có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là chủ nhiệm đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ. Người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ là thư ký, người được phân công viết ít nhất 01 nội dung của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

II. Hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan/đơn vị đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc toàn quốc của sáng kiến (*Tham khảo Phụ lục số 03 gửi kèm*);

b) Bản mô tả sáng kiến (*Tham khảo Phụ lục số 04 gửi kèm*);

c) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến (đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh). *Tham khảo Phụ lục số 01 gửi kèm*;

d) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh của sáng kiến (đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc);

e) Các tài liệu minh chứng sáng kiến đã được áp dụng và mang lại hiệu quả ngoài phạm vi cơ sở:

- Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh: Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, mang lại hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 sở/ngành/đơn vị/địa phương (có xác nhận của đơn vị đã áp dụng sáng kiến) hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên sở/ngành/đơn vị/địa phương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo...

- Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc: Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, mang lại hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản gốc và 01 bản file pdf.

III. Hồ sơ đề công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan/đơn vị đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (*Tham khảo Phụ lục số 03 gửi kèm*);

b) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (đối với đề tài khoa

học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh). *Tham khảo Phụ lục số 01 gửi kèm;*

c) Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (đối với đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc).

d) Bản sao báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ;

e) Bản sao quyết định và biên bản nghiệm thu đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ;

g) Các tài liệu kèm theo:

- Đối với đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh:

Đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ đã được ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 sở/ngành/đơn vị/địa phương qua các hình thức như: Hợp đồng chuyển giao/văn bản xác nhận, bàn giao kết quả cho cơ quan, đơn vị áp dụng; hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên sở/ngành/đơn vị/địa phương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo...

- Đối với đề tài/đề án/công trình khoa học đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc:

Đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ đã được ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực cho sản xuất, đời sống, công tác... tại ít nhất 02 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương hoặc được phổ biến tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua các hình thức như: Hợp đồng chuyển giao/văn bản xác nhận, bàn giao kết quả cho cơ quan, đơn vị áp dụng; hoặc được phổ biến, tuyên truyền trong các hội nghị liên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/bộ/ban/ngành Trung ương qua hình thức phát hành tài liệu/kỷ yếu hội nghị/hội thảo...

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản gốc và 01 bản file pdf.

IV. Tiêu chí đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc

Mức “Đạt” hoặc không “Đạt”. Dựa trên kết quả đánh giá về: Tính mới, khả năng mang lại lợi ích thiết thực, khả năng nhân rộng của sáng kiến... và đánh giá theo điểm 1, mục II, phần D của hướng dẫn này (*Phiếu đánh giá tham khảo Phụ lục số 02 gửi kèm*).

2. Đối với đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc

a) Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên;

b) Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (*đánh giá theo điểm 1, mục III, Phần C của hướng dẫn này*).

V. Thời gian tiếp nhận hồ sơ; thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Thời gian tiếp nhận

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ được thực hiện vào 02 đợt chính:

- Đợt 1: Từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/5 hàng năm.

- Đợt 2: Từ ngày 01/9 đến hết ngày 15/10 hàng năm.

b) Trường hợp đợt xuất do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

2. Thời hạn xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ giao Phòng Công nghệ chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ) có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Đánh giá, công nhận: Từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có kết quả đánh giá, công nhận là không quá 45 ngày làm việc.

VI. Trình tự đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ (qua Phòng Công nghệ chuyên ngành);

2. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng sáng kiến/Hội đồng khoa học để đánh giá sáng kiến/đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức họp Hội đồng sáng kiến/Hội đồng khoa học.

4. Căn cứ vào kết quả họp Hội đồng sáng kiến/Hội đồng khoa học, Giám đốc

Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc của đề tài khoa học/đề án khoa học/công trình khoa học và công nghệ. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị kết quả đánh giá trong thời gian 5 ngày làm việc và báo cáo UBND tỉnh.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Công nghệ chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ) có trách nhiệm tham mưu thành lập Hội đồng sáng kiến/Hội đồng khoa học; Tham mưu quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh và toàn quốc của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh và toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ và có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc việc thực hiện hướng dẫn này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai một số nội dung về hoạt động sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ (qua Phòng Công nghệ chuyên ngành) để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ban Giám đốc Sở KH&CN;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị của Sở KH&CN;
- Lưu: VT, CNCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Xuân Trung